TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 08-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Trương Thanh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 34/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tần H1, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1998; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H2, sinh ngày 27 tháng 4 năm 1971; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy uỷ quyền ngày 31 tháng 01 năm 2023. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị H3, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp Y, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2023 của nguyên đơn anh Nguyễn Tần H1 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Tần H1 là ông Nguyễn Tấn H2 trình bày: Vào ngày 25 tháng 01 năm 2021, bà Lâm Thị H3 có đến gặp anh Nguyễn Tần H1 để hỏi vay tiền vì hoàn cảnh gia đình bà đang gặp khó khăn. Anh H1 cho bà H3 vay tiền có làm biên nhận với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), lúc đó có bà Phạm Thị H4 (là chị chồng của bà H3) làm chứng và cùng ký tên vào biên nhận. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày 30 tháng 4 năm 2021, thì bà Lâm Thị H3 tiếp tục vay thêm 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và cũng có làm biên nhận. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 4 năm 2021, bà H3 có trả tiền lãi cho anh H1. Nhưng từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay thì anh H1 có nhiều lần yêu cầu bà H3 trả lại tiền gốc và lãi nhưng bà H3 chỉ trả cho anh H1 được 6.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền gốc thì không trả. Anh H1 có nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc bà H3 trả lại tiền gốc vì gia đình anh H1 cũng đang gặp khó khăn nhưng bà H3 không liên lạc và nói gì với anh về số tiền nợ của anh.

Nay anh H1 yêu cầu buộc bà Lâm Thị H3 có trách nhiệm trả lại số tiền vay còn nợ tổng cộng 162.000.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2021 đến ngày xét xử và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bà H3 trả hết nợ.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị H3, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bà không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng

theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tần H1; buộc bà Lâm Thị H3 trả cho anh Nguyễn Tần H1 số tiền 162.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2021 theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:*

[1.1] Anh Nguyễn Tần H1 khởi kiện bà Lâm Thị H3 trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, bị đơn bà Lâm Thị H3 đang cư trú tại ấp 3, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[1.2] Bị đơn bà Lâm Thị H3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tần H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn bà Lâm Thị H3 có nợ tiền của anh Nguyễn Tần H1 là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua biên nhận mươn tiền ngày 25 tháng 01 năm 2021 và ngày 30 tháng 4 năm 2021 của bà Lâm Thị H3, nhưng từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay thì anh H1 đã nhiều lần yêu cầu bà H3 trả lại tiền gốc và lãi nhưng bà H3 chỉ trả cho anh H1 được 6.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền gốc thì không trả. Vì vậy, việc khởi kiện của anh Nguyễn Tần H1 là có căn cứ, còn bà Lâm Thị H3 không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu tiền lãi, anh Nguyễn Tần H1 yêu cầu tính tiền lãi tính ngày 30 tháng 4 năm 2021 đến ngày Tòa án xét xử xong với lãi suất là 0,83%/tháng: Hội đồng xét xử xét thấy do từ ngày 30 tháng 4 năm 2021, bà H3 không thực hiện việc trả nợ nên bà H3 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, vì vậy việc yêu cầu tính

lãi của anh H1 là có căn cứ theo khoản 1 Điều 357, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, anh H1 yêu cầu mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và có lợi bà bà Lâm Thị H3, vì vậy yêu cầu của anh H1 về mức lãi suất là đảm bảo theo quy định. Căn cứ quy định trên, khoản tiền bà H3 chậm trả là 162.000.000 đồng, tính lãi từ ngày từ ngày 30 tháng 4 năm 2021 đến ngày 08 tháng 6 năm 2023 (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 25 tháng 19 ngày với số tiền lãi làm tròn là 34.130.000 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh H1, buộc bà H3 phải trả số tiền 196.130.000 đồng theo yêu cầu của anh H1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: "Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận"; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, bà Lâm Thị H3 chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 196.130.000 đồng x 5% là 9.800.000 đồng; anh Nguyễn Tần H1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 144, 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tần H1, buộc bà Lâm Thị H3 trả cho anh Nguyễn Tấn H1 số tiền 196.130.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Bà Lâm Thị H3 phải chịu 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Anh Nguyễn Tần H1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004288 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng